

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thế Hà và Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị MP, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn 06, xã G, huyện TL, tỉnh BT;

2. Bị đơn: Anh Trần Minh V, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 06, xã G, huyện TL, tỉnh BT;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Đoàn BT, sinh ngày 20/9/2009; Nơi cư trú: Thôn 06, xã G, huyện TL, tỉnh BT;

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đoàn Thị MP (có đơn xin xét xử vắng mặt); Vắng mặt anh Trần Minh V; Vắng mặt cháu Trần Đoàn BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị MP trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh V sau thời gian yêu thương tìm hiểu nhau thì tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

H, huyện C, tỉnh TG vào ngày 17/4/2009. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ đó cho đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, nhiều lúc anh V còn dùng cử chỉ lời lẽ hành động thiếu tôn trọng chị P cũng như gia đình chị P, đến khoảng tháng 03 năm 2022 thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau đến nay. Hiện nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh V.

- Về con chung: Chị Đoàn Thị MP và anh Trần Minh V có 02 người con chung tên Trần Đoàn BT, sinh ngày 20/9/2009; Trần Đoàn BN, sinh ngày 27/7/2018. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 người con chung cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Chị P không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Trần Minh V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị P sau thời gian yêu thương tìm hiểu nhau thì tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh TG vào ngày 17/4/2009. Sau khi kết hôn thì anh V, chị P chuyển về thôn 06, xã Gia, huyện TL, tỉnh BT chung sống từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng anh V, chị P không có mâu thuẫn gì, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên có người con thứ hai, khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong lối sống, không có tiếng nói chung, một phần do tính chất công việc sáng cả hai đi làm, chiều tối mới gặp nhau nên cũng không có thời gian để nói chuyện, cứ nói là cãi nhau, sau đó ban ngày chị P làm gia công may mặc tại nhà, còn đến tối chị P về nhà ba mẹ của chị P để ngủ, từ đó đời sống hôn nhân càng ngày càng mâu thuẫn, ngoài ra một phần sau khi sinh con thứ 2, chị P bị bệnh trầm cảm, hay nóng tính. Từ ngày chị P chuyển về ngủ ở nhà ba mẹ của chị P cũng dẫn đến giữa anh V với gia đình bên ngoại phát sinh mâu thuẫn, nhiều lúc nóng tính anh V cũng có cử chỉ, hành động lời lẽ thiếu tôn trọng chị P cũng như gia đình chị P, tình cảm vợ chồng sút mẻ và mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Hiện nay chị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh V thì anh V không đồng ý ly hôn vì anh V vẫn còn tình cảm đối với chị P.

- Về con chung: Anh Trần Minh V và chị Đoàn Thị MP có 02 người con chung tên Trần Đoàn BT, sinh ngày 20/9/2009; Trần Đoàn BN, sinh ngày 27/7/2018. Anh V đồng ý giao 02 người con chung cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh V xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh V phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án nên không thể kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải được.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Trần Đoàn BT trình bày:

Cháu T hiện đang học lớp 7A1, Trường Trung học cơ sở G, huyện TL. Từ trước đến nay, cháu ở với ba và mẹ. Việc chăm lo, ăn uống, học hành của cháu từ trước đến nay chủ yếu do mẹ chăm lo, chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ các cháu ly hôn thì cháu có mong muốn được sống chung với mẹ để thuận tiện cho việc học tập.

Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 05/5/2022 để các đương sự hòa giải đoàn tụ với nhau; Tại phiên tòa giải vắng mặt anh V nên không thể tiến hành hòa giải được, sau đó chị P có đơn từ chối hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh BT phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Trần Đoàn BT, sinh ngày 20/9/2009; Trần Đoàn BN, sinh ngày 27/7/2018 cho chị P được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đoàn Thị MP yêu cầu Tòa án giải

quyết việc ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 06, xã G, huyện TL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin từ chối hòa giải nên theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được; Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị MP và anh Trần Minh V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị P và anh V đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị P yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị P và anh V có 02 người con chung tên Trần Đoàn BT, sinh ngày 20/9/2009; Trần Đoàn BN, sinh ngày 27/7/2018; Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu T, cháu N cho chị P được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu T, cháu N đang sống cùng chị P, cháu T cũng có nguyện vọng được chung sống cùng chị P, còn cháu N hiện đang còn nhỏ cần được sự nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi; anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị P. Anh V không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị MP; Chị Đoàn Thị MP được ly hôn với anh Trần Minh V.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị MP được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con tên Trần Đoàn Bảo Thy, sinh ngày 20/9/2009; Trần Đoàn Bảo Ngọc, sinh ngày 27/7/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trần Minh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Đoàn Thị MP.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị MP phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007868 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Chị Đoàn Thị MP đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh TG (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Bình